

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC CƠ SỞ NĂM 2021

Stt	Mã định danh	Họ Tên	Ngày Sinh			Nơi Sinh	Dân Tộc	Phái	Lớp	Loại	UTKK	XL HL	XL HK	Toán	Văn	Điểm nhỏ nhất	Xếp Loại TN
			Ng	Th	Năm												
1	A6D03Z	BÙI KIM ANH	11	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	7.6	8.4	7.6	GIỎI
2	A6D000	BÙI PHƯƠNG ANH	16	01	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	6.7	6.6	6.6	KHÁ
3	A6D001	LÊ NGỌC ANH	27	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	6.5	6.9	6.5	KHÁ
4	A6D002	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	20	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.5	8.2	8.2	GIỎI
5	A6D003	NGUYỄN TRẦN VIỆT ANH	01	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.2	8	8	GIỎI
6	A6D004	TRẦN CHÂU ANH	11	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/1	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	KHÁ	TỐT	5.8	6.4	5.8	KHÁ
7	A6D08X	THÁI QUỐC BẢO	01	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.6	7.3	6.8	GIỎI
8	A6D005	LÊ ĐỖ CÔNG BẰNG	28	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	7.8	7.5	7.5	GIỎI
9	A6D006	VÕ PHAN YÊN BÌNH	18	12	2006	Tiền Giang	Kinh	NỮ	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	6.7	6.7	6.2	KHÁ
10	A6D007	ĐẶNG PHẠM QUỲNH CHÂU	28	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.5	8.5	8.5	GIỎI
11	A6D008	TRẦN LÊ MAI CHI	05	02	2006	Quảng Bình	Kinh	NỮ	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.9	8.4	8.4	GIỎI
12	A6D009	TRẦN NGỌC ÁNH DƯƠNG	12	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.3	9.1	8.8	GIỎI
13	A6D00A	NGUYỄN TÀI ĐẠI	17	01	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/1	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	GIỎI	TỐT	8.5	7.6	7.6	GIỎI
14	A6D00B	TRẦN LÊ KHÁNH ĐAN	04	01	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.2	9.3	8.9	GIỎI
15	A6D00C	ĐỐI SỸ ĐẠT	31	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.2	7.5	7.5	GIỎI
16	A6D05L	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	10	02	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8	8.1	7.8	GIỎI
17	A6D00E	LUU TRẦN GIA HÂN	22	06	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.7	8.2	8.2	GIỎI
18	A6D00F	NGUYỄN NGỌC GIA HÂN	24	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9	8.7	8.7	GIỎI
19	A6D00G	NGUYỄN THANH HIỀN	03	10	2006	Bình Dương	Kinh	NỮ	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.5	7.7	7.7	GIỎI
20	A6D00H	NGUYỄN BÁ HOÀNG	16	02	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.9	8.3	8.3	GIỎI
21	A6D00I	VÕ HUY HOÀNG	22	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	7.8	8.2	7.1	GIỎI
22	A6D00J	NGUYỄN QUỐC HUY	24	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.7	6.9	6.9	GIỎI
23	B6D0EV	NGUYỄN BẢO KHÁNH	20	07	2006	Hà Nội	Kinh	NỮ	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.4	8.9	8.9	GIỎI
24	A6D00K	HOÀNG ANH KIẾT	08	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/1	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	GIỎI	TỐT	9.3	7.9	7.9	GIỎI
25	A6D00L	ĐOÀN ĐÌNH LONG	08	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.9	7.2	7.2	KHÁ
26	A6D00M	VÕ THỤY QUỲNH MY	24	08	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.3	7.9	7.9	GIỎI
27	A6D00O	VŨ PHƯƠNG NAM	27	08	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.6	9.3	9.2	GIỎI
28	A6D00P	LƯƠNG NGỌC NGÂN	29	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	7.9	7.8	6.7	GIỎI
29	A6D00Q	LÊ HOÀNG BẢO NGỌC	11	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.8	9.1	8.8	GIỎI
30	A6D00R	TẠ PHƯƠNG NGUYỄN	26	09	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.4	8.8	8.1	GIỎI
31	A6D00T	TRẦN LÊ YẾN NHI	11	09	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8	8.2	8	GIỎI
32	A6D00V	CAO HUỲNH QUỐC PHÚ	01	05	2006	Bến Tre	Kinh	NAM	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.4	9.2	7.2	GIỎI
33	A6D00W	CHÍ HOÀNG THIÊN PHÚC	19	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Hoa	NAM	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.4	7.6	7.6	GIỎI
34	A6D00X	NGUYỄN ÂN PHÚC	19	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9	9.3	9	GIỎI
35	A6D00Y	LÊ HOÀNG MỸ PHƯƠNG	17	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.4	9.1	8.7	GIỎI

Stt	Mã định danh	Họ Tên	Ngày Sinh			Nơi Sinh	Dân Tộc	Phái	Lớp	Loại	UTKK	XL HL	XL HK	Toán	Văn	Điểm nhỏ nhất	Xếp Loại TN
			Ng	Th	Năm												
36	A6D00Z	PHẠM THẢO PHƯƠNG	07	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.4	8.3	8.3	GIỎI
37	A6D010	TRẦN ĐĂNG QUANG	26	06	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	8.7	7.1	6.4	KHÁ
38	A6D011	LÊ HUY QUÂN	03	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.6	8.5	8.5	GIỎI
39	A6D012	NGUYỄN NGỌC NHẢ QUỲNH	23	08	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.9	8.7	8.7	GIỎI
40	A6D013	VÕ NGỌC QUỲNH	09	04	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.1	8.7	8.7	GIỎI
41	A6D014	DUƠNG NGỌC THANH	02	09	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/1	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	GIỎI	TỐT	7.3	7.5	6.8	GIỎI
42	A6D03K	NGUYỄN TRƯỜNG THANH	17	04	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/1	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	KHÁ	TỐT	7	6.7	6.7	KHÁ
43	A6D016	NGUY THANH THẢO	26	06	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	7.7	8.4	7.7	GIỎI
44	A6D018	LÊ LÂM NGÂN THU	07	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.3	9.2	9.2	GIỎI
45	A6D059	HUỲNH THANH TUYỀN	09	06	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.1	8.6	8.6	GIỎI
46	A6D01A	PHẠM NGỌC THẢO UYÊN	06	01	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.7	8.5	8.5	GIỎI
47	A6D01B	TRẦN PHẠM THANH VY	31	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Hoa	NỮ	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	7.5	7.8	7.5	GIỎI
48	A6D01C	TRẦN THỤY BẢO VY	08	06	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	7.5	7.5	7.4	GIỎI
49	A1E1K6	ĐẶNG TRỊNH HẠO NHIÊN	02	12	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/1	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.3	7.6	6.9	GIỎI
50	A6D02L	LÊ NAM ANH	06	06	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/2	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	GIỎI	TỐT	9	8.3	7.6	GIỎI
51	A6D02M	NGUYỄN QUỐC ANH	30	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9	8.2	8	GIỎI
52	A6D02N	NGUYỄN TRẦN HỒNG ANH	19	06	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.2	9.1	9	GIỎI
53	A6D02O	NGUYỄN HỮU HOÀNG BẢO	10	06	2006	Quảng Ngãi	Kinh	NAM	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.1	8.9	8	GIỎI
54	A6D02P	NGUYỄN NGỌC BẢO CHÂU	28	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	6.1	8	5.9	KHÁ
55	A6D02Q	MAI MỸ DUYÊN	03	01	2006	Kiên Giang	Kinh	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	7.5	8.2	7.5	GIỎI
56	A6D03Y	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	15	04	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.1	8.1	8	GIỎI
57	A6D02R	ĐẶNG ĐÌNH ĐỨC	19	08	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.9	7.7	7.4	KHÁ
58	A6D02S	ĐỖ NGÂN HÀ	28	02	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.1	8.9	8	GIỎI
59	A6D02T	ĐÌNH ĐỨC ANH HIẾU	16	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.3	8.8	8.2	GIỎI
60	A6D02U	LƯƠNG ĐÌNH HIẾU	03	01	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.2	7.4	7.1	GIỎI
61	A6D02V	HUỲNH CÔNG HOÀNG	15	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	TỐT	4.7	7.3	4.7	TRUNG BÌNH
62	A6D02W	LÊ THỊ THANH HUYỀN	08	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.3	9	8.7	GIỎI
63	A6D02X	TRẦN NGUYỄN GIA HÙNG	03	08	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.2	8.1	8.1	GIỎI
64	A6D02Y	NGUYỄN ĐÌNH DUY KHẢI	28	08	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.1	8.4	8.4	GIỎI
65	A6D02Z	NGUYỄN LÊ PHÚC KHANG	15	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.2	9.3	9.1	GIỎI
66	A6D030	HUỲNH NGỌC KHÁNH	28	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	7.8	9.1	7.6	GIỎI
67	A6D031	LÊ ĐĂNG KHOA	14	08	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.4	9	7.9	GIỎI
68	A6D032	HOÀNG THIÊN KIM	26	01	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	GIỎI	TỐT	7.1	8	7.1	GIỎI
69	A6D033	MAI THÙY LINH	26	06	2006	Thái Nguyên	Tày	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.7	9.3	8.4	GIỎI
70	A6D034	NGUYỄN TRẦN ÁNH LINH	17	01	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.1	9.3	9.1	GIỎI
71	A6D035	NGUYỄN NGỌC HOÀNG LONG	26	06	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.2	9.3	9.1	GIỎI
72	A6D062	NGUYỄN THỊ ÁNH MY	21	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9	9	8.6	GIỎI
73	A6D038	VŨ ĐÌNH NGUYỄN	17	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.1	8.6	8.6	GIỎI
74	A6D03A	VŨ HOÀNG NHẬT	04	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/2	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	KHÁ	TỐT	7.4	6.7	6.2	KHÁ

Stt	Mã định danh	Họ Tên	Ngày Sinh			Nơi Sinh	Dân Tộc	Phái	Lớp	Loại	UTKK	XL HL	XL HK	Toán	Văn	Điểm nhỏ nhất	Xếp Loại TN
			Ng	Th	Năm												
75	A6D03B	NGUYỄN LÂM UYÊN NHI	18	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.3	9.1	8.8	GIỎI
76	A6D03C	NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	15	09	2006	Bình Thuận	Kinh	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9	9	7.5	GIỎI
77	A6D03D	PHẠM Ý NHI	14	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.1	9	8.9	GIỎI
78	A6D03E	TRẦN TỐ NHƯ	28	04	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	7.3	8.7	7.3	GIỎI
79	A6D03F	ĐỖ LÂM PHƯƠNG	09	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.3	8.8	7.6	GIỎI
80	A6D03G	NGUYỄN MAI NHẬT PHƯƠNG	01	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.6	8.1	8	GIỎI
81	A6D03H	TRẦN DĨNH QUYÊN	07	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.9	8.6	8.6	GIỎI
82	A6D06F	LÊ NGỌC UYÊN SAN	29	09	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.2	8.9	8.8	GIỎI
83	A6D03J	HOÀNG MINH TÂM	29	09	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/2	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	GIỎI	TỐT	8.5	8.5	7.9	GIỎI
84	A6D03L	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG THẢO	05	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	KHÁ	TỐT	6.4	7.9	5.9	KHÁ
85	A6D03M	PHẠM THỊ PHƯƠNG THÙY	02	04	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	KHÁ	TỐT	7	7.5	5.5	KHÁ
86	A6D03N	HUỲNH NGUYỄN ANH THU	18	08	2006	Tiền Giang	Kinh	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.4	8.9	8.4	GIỎI
87	A6D03O	PHẠM ANH THU	04	09	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.5	8.3	8.3	GIỎI
88	A6D03P	VÕ ANH THU	28	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.3	9.5	8.3	GIỎI
89	A6D03Q	VƯƠNG HUỲNH MỸ TIÊN	30	06	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.2	9.2	8.8	GIỎI
90	A6D03R	NGUYỄN HỮU HOÀI TÍN	01	06	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/2	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	GIỎI	TỐT	8.5	8	8	GIỎI
91	A6D11A	NGUYỄN VÕ THUỶ TRANG	18	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	GIỎI	TỐT	9.3	8.7	8.7	GIỎI
92	A6D03S	PHẠM NGỌC BẢO TRẦN	09	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	KHÁ	TỐT	7.9	7.2	6.8	KHÁ
93	A6D03T	TRẦN TÚ TRẦN	23	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8	8.6	7.5	GIỎI
94	A6D03U	NGUYỄN MINH UYÊN	25	06	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	6.6	8	6.2	KHÁ
95	A6D03V	NGUYỄN THÁI PHƯƠNG UYÊN	14	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.3	9.3	8.9	GIỎI
96	A6D03W	TRẦN NGUYỄN THẢO VÂN	26	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	7.6	8.1	6.8	GIỎI
97	A6D03X	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	17	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.3	9.4	9.2	GIỎI
98	C6D0DZ	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	25	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/2	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	KHÁ	TỐT	8.1	7.6	6.4	KHÁ
99	A6D05B	ĐÀO DUY ANH	05	12	2006	Bến Tre	Kinh	NAM	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9	7.4	7.2	GIỎI
100	A6D040	LÊ CAO ĐỨC ANH	19	09	2006	Khánh Hòa	Kinh	NAM	9/3	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	KHÁ	TỐT	5.9	6.5	5.5	KHÁ
101	A6D05D	NGUYỄN PHẠM TRÚC ANH	30	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	7.7	7.6	7.6	GIỎI
102	A6D05E	PHẠM TỪ LAM ANH	23	06	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.3	8.6	8.2	GIỎI
103	A6D05F	TRẦN NGHI MINH ANH	09	06	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.1	8.2	8.1	GIỎI
104	A6D05G	TRẦN THIÊN MINH ANH	27	02	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	6.1	6.2	5.4	KHÁ
105	A6D042	VŨ MINH ANH	05	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.9	8.6	8.1	GIỎI
106	A6D05H	NGUYỄN GIA BẢO	26	12	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.3	7.6	6.4	KHÁ
107	A6D043	TRẦN HOÀNG THIÊN BẢO	26	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/3	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	KHÁ	3.7	5.5	3.7	TRUNG BÌNH
108	A6D05I	NGUYỄN THIỆN BÌNH	01	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	8	6.3	5.5	KHÁ
109	A6D044	HOÀNG LÊ GIA CÁT	25	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7	6.6	6.4	KHÁ
110	A6D045	NGUYỄN NGỌC BẢO CHÂU	13	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.2	7.9	7.2	KHÁ
111	A6D047	VÕ TRẦN HỒNG DUY	02	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.7	8.1	8.1	GIỎI
112	A6D04B	NGUYỄN GIA ĐỨC	13	12	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	TỐT	5.7	6.1	5.6	TRUNG BÌNH
113	A6D05N	VÕ NGÔ NGÂN HÀ	02	02	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	7.9	8.7	7.9	GIỎI

Stt	Mã định danh	Họ Tên	Ngày Sinh			Nơi Sinh	Dân Tộc	Phái	Lớp	Loại	UTKK	XL HL	XL HK	Toán	Văn	Điểm nhỏ nhất	Xếp Loại TN
			Ng	Th	Năm												
114	A6D04C	ĐOÀN NGUYỄN GIA HÂN	13	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.3	9.2	8.3	GIỎI
115	A6D05O	VÕ NGUYỄN MINH HIẾU	31	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/3	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	KHÁ	4	5.9	4	TRUNG BÌNH
116	A6D04E	NGUYỄN NGỌC HỒNG HOA	18	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	6.8	7.7	5.7	KHÁ
117	A6D04F	BÙI ĐỨC LÊ HOÀNG	18	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.6	7.3	6.1	KHÁ
118	A6D05S	TRẦN VŨ MINH HUY	23	04	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/3	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	KHÁ	TỐT	7.5	6.4	6.4	KHÁ
119	A6D04J	NGUYỄN TẤN KHOA	30	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/3	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	KHÁ	6.7	5.5	4.9	TRUNG BÌNH
120	A6D05Y	PHẠM NGUYỄN NHẬT LAM	22	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/3	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	TỐT	5.5	4.9	3.5	TRUNG BÌNH
121	A6D0A6	NGUYỄN BẢO LONG	20	04	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.5	6.5	6.4	KHÁ
122	A6D036	NGUYỄN TIỀN LỰC	19	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9	8.6	8.6	GIỎI
123	A6D04K	LÊ ĐỨC MẠNH	06	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	8	7.1	6.5	KHÁ
124	A6D061	VŨ NGỌC MINH	04	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.5	8.1	7.4	GIỎI
125	A6D00N	NGUYỄN NHẬT NAM	07	05	2006	Vĩnh Phúc	Kinh	NAM	9/3	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	KHÁ	4.9	6.4	4.9	TRUNG BÌNH
126	A6D063	NGUYỄN TRƯỞNG KIM NGÂN	04	06	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.2	8.7	8	GIỎI
127	B6D0ES	VÕ HOÀNG KIM NGÂN	07	08	2006	Đồng Nai	Kinh	NỮ	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.6	7	5.8	KHÁ
128	A6D11F	TRƯỞNG GIA NGHI	01	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/3	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	KHÁ	TỐT	7.6	7.4	6.2	KHÁ
129	A6D039	TRẦN LẠI HÀ NGUYỆT	24	04	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/3	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	TỐT	5.9	6.7	4.7	TRUNG BÌNH
130	A6D00S	NGÔ NGUYỄN Ý NHI	12	06	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.7	7.5	6.5	KHÁ
131	A6D04Q	PHẠM TRẦN PHƯƠNG NHI	20	08	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.1	8.3	7.8	GIỎI
132	A6D066	TRẦN TUYẾT NHI	14	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.1	8.5	7.4	GIỎI
133	A6D00U	TRẦN NGỌC TỔ NHƯ	19	12	2006	Quảng Nam	Kinh	NỮ	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	KHÁ	6.1	5.7	5.1	TRUNG BÌNH
134	A6D068	VÕ NGUYỄN MINH NHỰT	31	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/3	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	TỐT	5.9	6.4	5.5	TRUNG BÌNH
135	A6D06A	PHAN ĐẶNG TẤN PHÁT	12	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	TỐT	5.3	6.1	5.3	TRUNG BÌNH
136	A6D04R	NGUYỄN THANH PHONG	09	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/3	1-Trung học cơ sở	4-Người tàn tật, khuyết tật,kém phát triển,bị nhiễm chất độc hóa học, mồ côi,diện hộ đói nghèo	KHÁ	TỐT	6.2	7.3	6.1	KHÁ
137	A6D04U	NGUYỄN THU PHƯƠNG	07	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.7	9.1	8.7	GIỎI
138	A6D06D	TRẦN NGUYỄN QUANG	02	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.5	7.6	7.6	GIỎI
139	A6D04V	NGUYỄN ANH QUÂN	28	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	7	7	7	GIỎI
140	A6D04Y	BÙI NGUYỄN THANH TÂM	05	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.5	8.4	8	GIỎI
141	A6D06J	LÊ MINH TRIẾT	21	08	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.3	9.1	9	GIỎI
142	A6D051	NGUYỄN TRIỀU	05	02	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/3	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	TỐT	6.4	5.9	5.4	TRUNG BÌNH
143	A6D055	NGUYỄN PHƯƠNG TƯỜNG VY	29	08	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	KHÁ	4.4	4.8	3.6	TRUNG BÌNH
144	A6D06L	TRẦN NGUYỄN TƯỜNG VY	23	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	6.7	6.3	5.9	KHÁ
145	A6D056	TRẦN NHÃ VY	13	10	2006	Bình Định	Kinh	NỮ	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.2	8.2	7.4	GIỎI

Stt	Mã định danh	Họ Tên	Ngày Sinh			Nơi Sinh	Dân Tộc	Phái	Lớp	Loại	UTKK	XL HL	XL HK	Toán	Văn	Điểm nhỏ nhất	Xếp Loại TN
			Ng	Th	Năm												
146	A6D06M	VÕ HOÀNG BẢO VY	19	10	2006	Bình Định	Kinh	NỮ	9/3	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	7.3	8.1	7	GIỎI
147	A6D05A	HÀ TRỌNG HUY AN	18	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	6.5	6.8	6.5	KHÁ
148	A6D041	LÊ PHI ANH	03	08	2006	Hà Tĩnh	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	7.8	7.1	6.8	GIỎI
149	A6D05C	LUYẾN HOÀI ANH	27	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.8	7.2	7.2	GIỎI
150	A6D05J	NGUYỄN THÀNH DANH	28	01	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	KHÁ	TỐT	5.5	7.1	5.5	KHÁ
151	A6D046	ĐẶNG BỘI DOANH	24	12	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Hoa	NỮ	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.4	7.8	7.8	GIỎI
152	A6D05K	ĐẶNG LÊ DUY	25	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	8.1	6.5	5.7	KHÁ
153	A6D048	NGUYỄN ĐA-NI-ÊN	14	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	TỐT	4.2	6.5	4.2	TRUNG BÌNH
154	A6D049	VÕ QUỐC ĐẠT	03	04	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.1	8.4	7.9	GIỎI
155	A6D04A	NGUYỄN MINH ĐĂNG	04	06	2006	Ninh Thuận	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	6.9	6.4	6.1	KHÁ
156	A6D04D	NGÔ BẢO HÂN	22	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.7	7.1	7.1	GIỎI
157	A6D05P	BÙI VIỆT HOÀNG	19	04	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.7	8.5	7.7	GIỎI
158	A6D05Q	NGUYỄN NHẬT HOÀNG	28	02	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	6.1	6	6	KHÁ
159	A6D04G	TRẦN VŨ ANH HUY	14	09	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.2	7.7	7.7	GIỎI
160	A6D05T	LUYẾN THỤY QUỲNH HƯƠNG	21	12	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.4	7.8	7.1	GIỎI
161	A6D05U	DƯƠNG TẤN KHẢI	15	06	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.5	7.9	7.9	GIỎI
162	A6D05W	NGUYỄN HỮU KHANG	13	10	2006	Long An	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	6.2	7.2	6.2	KHÁ
163	A6D05X	THIỆU TOMY CAO KHANG	10	08	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Hoa	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.5	7.7	7.7	GIỎI
164	A6D04I	ĐẶNG NGUYỄN ĐĂNG KHOA	22	02	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.8	8.3	8.3	GIỎI
165	A6D05Z	CAO HOÀNG LONG	10	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	KHÁ	4.5	5.1	4.1	TRUNG BÌNH
166	A6D060	ĐINH PHÚC LỘC	21	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.8	6.1	6.1	KHÁ
167	A6D04L	ĐINH TRẦN QUANG MINH	22	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.7	8.1	7.9	GIỎI
168	A6D04M	HUỲNH CHÍ MINH	29	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	8.1	5.7	5.7	KHÁ
169	A6D04N	NGUYỄN VĂN NHẬT MINH	09	12	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	TỐT	6.1	5.2	5.2	TRUNG BÌNH
170	A6D037	HẠ ĐẠT HOÀNG NAM	28	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	TỐT	6.3	5.6	5	TRUNG BÌNH
171	A6D04O	LÊ THỊ THANH NGÂN	24	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.6	7.4	7.2	KHÁ
172	AD3070	PHAN NGỌC KIM NGÂN	12	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	TỐT	5.9	5.7	5	TRUNG BÌNH
173	A6D064	ĐẶNG HUYỀN MINH NGỌC	21	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	KHÁ	5.8	4.9	4.9	TRUNG BÌNH
174	A6D065	NGUYỄN YẾN NHI	10	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	7.7	8	7.5	GIỎI
175	A6D04T	NGUYỄN HOÀNG THIÊN PHÚC	23	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.8	6.8	6.8	KHÁ
176	A6D06B	HUỲNH CÚC PHƯƠNG	08	01	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9	8	7.8	GIỎI
177	A6D06C	CAO VIỆT QUANG	01	12	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.2	6.5	5.9	KHÁ
178	A6D04W	NGUYỄN MINH QUÂN	19	04	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	KHÁ	3.8	5.3	3.8	TRUNG BÌNH
179	A6D04X	TRẦN HÀ ANH QUÂN	08	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.1	8.6	8.6	GIỎI
180	A6D06E	HOÀNG NGỌC TÚ QUYÊN	25	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.1	6.7	6.7	KHÁ

Stt	Mã định danh	Họ Tên	Ngày Sinh			Nơi Sinh	Dân Tộc	Phái	Lớp	Loại	UTKK	XL HL	XL HK	Toán	Văn	Điểm nhỏ nhất	Xếp Loại TN
			Ng	Th	Năm												
181	A6D06G	ÔNG HOÀNG SƠN	14	08	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	4-Người tàn tật, khuyết tật,kém phát triển,bị nhiễm chất độc hóa học, mồ côi,diện hộ đói nghèo	TRUNG BÌNH	KHÁ	5.5	5.5	4.9	TRUNG BÌNH
182	A6D03I	NGUYỄN TẤN TÀI	10	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	KHÁ	TỐT	7.6	5.8	5.8	KHÁ
183	A6D04Z	TRẦN PHÙNG ĐỨC THÀNH	26	04	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.2	8.2	8.2	GIỎI
184	A6D06H	NGUYỄN THANH THỦY	12	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	6.8	5.8	5.8	KHÁ
185	A6D017	VŨ XUÂN THỦY	19	02	2006	Hải Phòng	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	6.2	6.7	5.4	KHÁ
186	A6D06I	HUỲNH NGỌC THUY TIÊN	19	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	7.7	8.1	7.7	GIỎI
187	A6D09P	HOÀNG VŨ MINH TRÍ	27	12	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.1	6.1	6.1	KHÁ
188	A6D06K	ĐOÀN TRẦN ĐỨC TRỌNG	03	05	2006	Khánh Hòa	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.6	7.7	7.7	GIỎI
189	A6D019	VÕ HÀ THÀNH TRUNG	19	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	TỐT	5.6	6.3	5.6	TRUNG BÌNH
190	A6D052	LÊ NGUYỄN NGỌC TÚ	13	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.5	7.6	7.6	GIỎI
191	A6D053	LÊ TRẦN CẨM TÚ	23	02	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/4	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	KHÁ	TỐT	6.4	6.9	6.4	KHÁ
192	A6D054	PHẠM QUỐC VIỆT	03	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	6.4	6.7	5.7	KHÁ
193	A6D09S	NGUYỄN AN TUỜNG VY	31	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/4	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	GIỎI	TỐT	7.7	7.9	6.8	GIỎI
194	A6D057	VŨ THỊ LÊ VY	10	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	7.2	7.2	7.2	GIỎI
195	A6D058	BÙI TRIỀU VỸ	15	04	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/4	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.2	8.2	7.4	GIỎI
196	A6D0I3	VŨ MINH ANH	11	07	2005	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	TỐT	5.3	5.2	4.2	TRUNG BÌNH
197	A6D01L	CHUNG ĐÌNH BÁ	04	06	2006	Đắk Nông	Kinh	NAM	9/5	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	TỐT	4.9	5.7	4.4	TRUNG BÌNH
198	A6D08W	HUỲNH GIA BẢO	24	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.1	8.6	8.5	GIỎI
199	A6D09X	LÊ GIA BẢO	24	12	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/5	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	KHÁ	KHÁ	5.9	6.6	5.9	KHÁ
200	A6D01P	PHẠM VÕ BỘI CHÂU	04	02	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9	7.5	7.5	GIỎI
201	A6D08Z	HOÀNG NGUYỄN QUỲNH CHI	31	01	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.1	8.4	7	GIỎI
202	A6D09Z	TRẦN LÊ QUANG CHIẾN	30	08	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/5	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	KHÁ	TỐT	6.5	5.7	5.7	KHÁ
203	A6D06R	NGUYỄN THANH DANH	18	10	2006	Bình Định	Kinh	NAM	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.5	8.9	8.2	GIỎI
204	A6D01S	VÕ TÂM TRÍ DỪNG	12	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.6	7.5	7.1	GIỎI
205	A6D0AS	MAI THỊ XUÂN HẠ	23	08	2006	Thanh Hóa	Kinh	NỮ	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	TỐT	4.7	7	4.7	TRUNG BÌNH
206	A6D11K	NGUYỄN HOÀNG HẢI	16	08	2006	Đắk Lắk	Kinh	NAM	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	6.7	6.8	5.4	KHÁ
207	A6D06W	ĐỖ THANH HẰNG	06	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	KHÁ	7.7	6.2	5.3	KHÁ
208	A6D07Y	ĐÌNH LƯU GIA HÂN	21	04	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	KHÁ	6.3	5.9	4.9	TRUNG BÌNH
209	A6D10V	PHAN HUỲNH HỮU HIỆP	05	09	2005	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	TỐT	5.6	5.2	5.2	TRUNG BÌNH
210	A6D080	TRẦN TRUNG HIẾU	09	12	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	TỐT	6.1	6.7	4.7	TRUNG BÌNH
211	A6D093	VÕ TẤN HUNG	09	02	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	8	7.4	5.6	KHÁ
212	A6D084	NGUYỄN TUẤN KIỆT	29	09	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/5	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	KHÁ	KHÁ	6.1	7	6.1	KHÁ

Stt	Mã định danh	Họ Tên	Ngày Sinh			Nơi Sinh	Dân Tộc	Phái	Lớp	Loại	UTKK	XL HL	XL HK	Toán	Văn	Điểm nhỏ nhất	Xếp Loại TN
			Ng	Th	Năm												
213	A6D096	PHẠM HOÀNG ANH KIẾT	09	10	2006	Tỉnh Lâm Đồng	Kinh	NAM	9/5	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	KHÁ	5.5	6.6	3.7	TRUNG BÌNH
214	A6D098	TRẦN HOÀNG KIM	09	05	2006	TP Cần Thơ	Kinh	NỮ	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.6	7.7	7.7	GIỎI
215	A6D0B0	TRẦN XUÂN LAN	21	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9	6.9	6.9	GIỎI
216	A6D0B1	NGUYỄN DUY LÂM	18	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/5	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	KHÁ	4.3	6.2	4.3	TRUNG BÌNH
217	A6D0A5	LÊ THỊ THỦY LINH	13	01	2006	Nghệ An	Kinh	NỮ	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.5	7.2	7.2	GIỎI
218	A6D0B2	NGUYỄN HOÀNG THIÊN LỘC	13	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/5	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	KHÁ	TỐT	7.7	6.7	6.7	KHÁ
219	A6D0B3	NGUYỄN ĐỨC MINH	23	06	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.9	7.2	7.2	GIỎI
220	A6D08S	NGUYỄN TRẦN QUANG MINH	05	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.2	7.6	7.6	GIỎI
221	A6D0B5	HOÀNG LÊ NGHĨA	19	07	2006	Đồng Nai	Kinh	NAM	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.6	7.8	7.2	GIỎI
222	A6D08U	NGUYỄN THÁI BẢO NGỌC	02	02	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.8	7.5	7.4	KHÁ
223	A6D10X	PHAN TRẦN TRỌNG NGUYỄN	09	10	2004	Hậu Giang	Kinh	NAM	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	KHÁ	5.3	5.8	4.6	TRUNG BÌNH
224	A6D0AA	ĐỖ THỊ HỒNG NHI	18	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	TỐT	4.9	5.6	4.9	TRUNG BÌNH
225	A6D09F	VÕ HOÀNG YẾN NHI	11	12	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7	6.5	5.9	KHÁ
226	A6D09U	NGUYỄN NGỌC QUYÊN NHƯ	10	12	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/5	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	GIỎI	TỐT	8.3	7.3	7.3	GIỎI
227	A6D07C	LÊ HOÀNG PHÚ	04	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	8.3	7.9	6.7	KHÁ
228	A6D04S	NGUYỄN CAO TRƯỜNG PHÚC	08	12	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/5	1-Trung học cơ sở	4-Người tàn tật, khuyết tật,kém phát triển,bị nhiễm chất độc hóa học, mồ côi,điện hộ đói nghèo	TRUNG BÌNH	TỐT	5.3	5.5	4.9	TRUNG BÌNH
229	A6D07D	PHAN THIÊN PHÚC	30	09	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	KHÁ	5.9	4.7	4.6	TRUNG BÌNH
230	A6D0HM	NGUYỄN HOÀNG MINH PHƯƠNG	28	11	2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	TỐT	4.7	6.2	4.7	TRUNG BÌNH
231	A6D0BB	NGUYỄN THÚY PHƯƠNG	23	06	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/5	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	TỐT	5.9	5.4	5.2	TRUNG BÌNH
232	A6D09I	TRẦN NGỌC BẢO PHƯƠNG	18	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.7	7	6.9	KHÁ
233	A6D09J	LÊ THỊ NHƯ QUỲNH	27	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.8	6.5	6.5	KHÁ
234	A6D09O	ĐỖ ĐOÀN QUẾ TRÂM	28	04	2006	Đắk Lắk	Kinh	NỮ	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.9	7.4	6.2	KHÁ
235	A6D08L	LÂM KIM TRIỆU	20	02	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/5	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	KHÁ	4.8	5.8	4.8	TRUNG BÌNH
236	A6D10Q	HỒ KHÁNH TRÌNH	30	10	2006	Tiền Giang	Kinh	NAM	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	6.6	6.4	5.1	KHÁ
237	A6D07L	TRẦN LÊ THANH TUYỀN	29	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/5	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	KHÁ	TỐT	7	6.4	5.7	KHÁ
238	A6D0BN	TRẦN NGỌC CÁT TƯỜNG	15	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.2	6.5	6	KHÁ
239	A6D02G	NGUYỄN THỊ NGỌC VÂN	25	12	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8	6.9	6.9	GIỎI
240	A6D07M	MAI THỊ THANH VY	25	01	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/5	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	KHÁ	TỐT	7.3	6.4	6.4	KHÁ
241	A6D08Q	NGUYỄN LÊ TƯỜNG VY	05	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/5	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.9	7.9	7.1	GIỎI
242	C6D0E1	HỒ HOÀNG AN	18	10	2006	Lâm Đồng	Kinh	NAM	9/6	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	GIỎI	TỐT	8.4	6.8	6.8	GIỎI
243	A6D08V	NGUYỄN HỒNG ANH	05	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	KHÁ	7.7	8	6.6	KHÁ
244	A6D0AP	VŨ ĐỨC ANH	07	06	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	KHÁ	7.3	7.6	6.5	KHÁ

Stt	Mã định danh	Họ Tên	Ngày Sinh			Nơi Sinh	Dân Tộc	Phái	Lớp	Loại	UTKK	XL HL	XL HK	Toán	Văn	Điểm nhỏ nhất	Xếp Loại TN
			Ng	Th	Năm												
245	A6D07R	NGUYỄN THIÊN ÂN	25	06	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	6.6	6.6	5.8	KHÁ
246	A6D07S	ĐÀO QUỐC BÌNH	30	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.2	8.3	7.4	GIỎI
247	A6D01N	GIANG PHƯƠNG BÌNH	08	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.5	7.4	6.3	KHÁ
248	A6D07T	NGUYỄN TUẤN CẢNH	14	03	2006	Hà Nam	Kinh	NAM	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.6	7.5	6.4	KHÁ
249	A6D07U	NGUYỄN THỊ THUY DUNG	21	12	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	KHÁ	5.2	5.9	5.2	TRUNG BÌNH
250	A6D07V	HUỲNH VÕ ANH DUY	23	01	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/6	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	KHÁ	TỐT	5.8	6.9	5.6	KHÁ
251	A6D01U	PHẠM TÙNG DƯƠNG	17	01	2006	Nam Định	Kinh	NAM	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.3	7.3	7.3	GIỎI
252	A6D01X	NGUYỄN HỮU ĐỨC	05	04	2006	Bình Định	Kinh	NAM	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	7.3	8	6.5	GIỎI
253	A6D06V	NGUYỄN NGỌC TÚ HẢO	18	02	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.1	7.1	6.3	KHÁ
254	A6D020	PHẠM ĐỨC HUY	13	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	7.7	8	6.5	GIỎI
255	A6D0AV	VI TUẤN KHAI	31	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.6	8.3	6.8	GIỎI
256	A6D0AW	NGUYỄN ĐÔN ANH KHOA	23	01	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.1	6.2	5.3	KHÁ
257	A6D06Z	TRẦN TỬ ĐĂNG KHÔI	17	08	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.1	8.6	8.5	GIỎI
258	A6D083	NGUYỄN ĐÌNH KHƯƠNG	19	06	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.4	8.9	8.4	GIỎI
259	A6D097	PHẠM THANH KIỀU	29	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7	7.9	6.7	KHÁ
260	A6D071	UÔNG HỒ KỶ KÔNG	23	09	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/6	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	KHÁ	5	6.4	3.7	TRUNG BÌNH
261	A6D075	PHAN ĐĂNG MINH	18	12	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.8	8	5.7	KHÁ
262	A6D0B4	PHẠM NGỌC MỸ	23	01	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.4	8.1	7.9	GIỎI
263	A6D088	NGUYỄN HUỲNH THU NGÂN	06	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	5.7	7.6	5.2	KHÁ
264	A6D09D	ĐINH NGUYỄN HỒNG NGỌC	07	11	2006	Tây Ninh	Kinh	NỮ	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	8.2	8.4	5.5	KHÁ
265	A6D0B6	NGUYỄN ĐÀO UYÊN NGỌC	30	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.8	7.7	7.2	KHÁ
266	A6D10J	NGUYỄN THANH KIM NGỌC	14	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	TỐT	5.1	5.9	4.8	TRUNG BÌNH
267	A6D089	ĐÀO NGỌC NGUYỄN	27	09	2006	Hà Nội	Kinh	NAM	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	KHÁ	5.3	6.3	5.3	TRUNG BÌNH
268	A6D10T	NGUYỄN THANH NGUYỄN	29	07	2005	Vĩnh Long	Kinh	NỮ	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	KHÁ	5	4.3	3.7	TRUNG BÌNH
269	A6D067	LÂM TÂM NHƯ	28	06	2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/6	1-Trung học cơ sở	4-Người tàn tật, khuyết tật,kém phát triển,bị nhiễm chất độc hóa học, mồ côi,điện hộ đói nghèo	TRUNG BÌNH	TỐT	6.2	6.2	3.6	TRUNG BÌNH
270	A6D0AB	PHAN HỒ QUỲNH NHƯ	01	01	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.1	8	6.3	KHÁ
271	A6D11B	LÂM TẤN PHÁT	14	08	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.4	7.6	6.9	GIỎI
272	A6D0BA	MAI THANH PHONG	18	12	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	KHÁ	7.6	6.7	5.7	KHÁ
273	A6D0BC	PHAN NHƯ QUỲNH	14	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.8	8.1	5.5	KHÁ
274	A6D08F	HOÀNG MINH TÂM	15	08	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	6.1	8.2	5.7	KHÁ
275	A6D07F	TRẦN NGỌC MINH TÂM	16	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	TỐT	4.5	7.1	4.5	TRUNG BÌNH
276	A6D08I	VŨ ĐỨC THIỆN	15	08	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	8.1	6.8	6	KHÁ
277	A6D0AJ	NGUYỄN MINH THU	23	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.1	8.9	6.7	GIỎI
278	A6D09N	BÀNH PHƯỚC TOÀN	15	08	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Hoa	NAM	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	6.9	6.7	6.4	KHÁ
279	A6D0BJ	PHAN THỊ NGUYỄN TRANG	25	02	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.2	8.3	7.9	GIỎI

Stt	Mã định danh	Họ Tên	Ngày Sinh			Nơi Sinh	Dân Tộc	Phái	Lớp	Loại	UTKK	XL HL	XL HK	Toán	Văn	Điểm nhỏ nhất	Xếp Loại TN
			Ng	Th	Năm												
280	A6D0BK	TRƯƠNG HỒ ÁI TRÂM	13	01	2006	Thừa Thiên Huế	Kinh	NỮ	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.8	8.7	7.9	GIỎI
281	A6D08M	TRẦN THANH TRÚC	29	06	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/6	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	TỐT	6.2	6.1	4.2	TRUNG BÌNH
282	A6D08N	HUỲNH NGỌC CÁT TƯỜNG	06	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	KHÁ	7.2	8.5	6.2	KHÁ
283	A6D09R	MAI ĐÌNH VĂN	28	04	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	6.6	6.8	5.8	KHÁ
284	A6D0BP	TRẦN CÔNG QUỐC VINH	23	06	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.9	8	6.5	KHÁ
285	A6D0BQ	BÙI NGỌC THANH VY	25	02	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/6	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	TỐT	8	8.1	4.3	TRUNG BÌNH
286	A6D09V	NGÔ THUY NGỌC ANH	17	04	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.1	8.8	8.3	GIỎI
287	A6D01J	NGUYỄN HOÀNG MINH ANH	04	09	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/7	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	KHÁ	KHÁ	6.7	6.5	5.2	KHÁ
288	A6D09W	TRẦN NGỌC DUY ANH	27	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.9	8.9	7.8	GIỎI
289	A6D01R	TRƯƠNG TIỀN DŨNG	08	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	TỐT	6.2	6.4	3.9	TRUNG BÌNH
290	A6D0AQ	NGUYỄN ANH ĐỨC	08	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	KHÁ	8.8	7.4	4.6	TRUNG BÌNH
291	A6D091	TRẦN NGUYỄN QUỲNH GIAO	25	12	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/7	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	GIỎI	TỐT	8.4	8.5	7.7	GIỎI
292	A6D0AR	PHẠM THANH HÀ	09	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	6.5	8.1	6.5	GIỎI
293	A6D06Y	TRẦN TRUNG HIẾU	09	02	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/7	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	KHÁ	4.6	6.6	4.6	TRUNG BÌNH
294	A6D0AT	NGUYỄN ĐÌNH MINH HOÀNG	15	09	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.1	7.7	7.1	KHÁ
295	A6D094	TRẦN ĐỖ LAN HƯƠNG	25	08	2006	Bình Thuận	Kinh	NỮ	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.5	8.6	7.5	GIỎI
296	A6D0A1	HUỲNH NGUYỄN PHƯỚC KHANG	10	06	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.8	8.3	7	KHÁ
297	A6D0A4	NGUYỄN ÂN KỶ	27	12	2005	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	5.9	6.4	5.1	KHÁ
298	A6D024	TRẦN SƠN LÂM	08	02	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	5.5	6.8	5.2	KHÁ
299	A6D025	BÙI THỊ KHÁNH LINH	27	12	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/7	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	KHÁ	KHÁ	6.5	6.7	5.4	KHÁ
300	A6D026	LÊ GIA LONG	23	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.6	7.2	7.1	KHÁ
301	A6D073	QUÁCH KIM LONG	02	09	2006	Bến Tre	Hoa	NAM	9/7	1-Trung học cơ sở	4-Người tàn tật, khuyết tật,kém phát triển,bị nhiễm chất độc hóa học, mồ côi,điện hộ đối nghèo	KHÁ	TỐT	5.5	6.4	5.5	KHÁ
302	A6D0JJ	LÊ GIA LƯƠNG	14	02	2005	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/7	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	KHÁ	6.5	5.5	3.9	TRUNG BÌNH
303	A6D09A	KHÔNG CAO MINH	02	04	2006	Thanh Hóa	Kinh	NAM	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.1	7.4	7.1	KHÁ
304	A6D029	PHAN BẢO NGỌC	24	07	2006	Kiên Giang	Kinh	NỮ	9/7	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	KHÁ	TỐT	7.3	7.6	6.5	KHÁ
305	A6D078	HOÀNG NGỌC BẢO NHI	07	08	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	6.9	7.6	6	KHÁ
306	A6D0B7	PHÙNG THỊ TUYẾT NHI	24	12	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	TỐT	4.6	6.6	4.6	TRUNG BÌNH
307	A6D08B	PHAN NGỌC KHẢ NHU	17	02	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.1	8.8	7.9	GIỎI
308	A6D07A	TRẦN LINH NHƯ	31	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/7	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	KHÁ	3.5	5	3.5	TRUNG BÌNH
309	A6D079	VŨ THỊ NGỌC NHƯ	06	01	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	TỐT	5.4	6.5	4.5	TRUNG BÌNH
310	A6D07B	ĐẶNG HOÀNG BẢO NINH	18	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	6.9	7.9	6.8	KHÁ

Stt	Mã định danh	Họ Tên	Ngày Sinh			Nơi Sinh	Dân Tộc	Phái	Lớp	Loại	UTKK	XL HL	XL HK	Toán	Văn	Điểm nhỏ nhất	Xếp Loại TN
			Ng	Th	Năm												
311	A6D09H	VŨ THÂM PHI	22	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.3	8.7	7.5	GIỎI
312	A6D0JY	PHAN HUỲNH THANH PHÚC	10	01	2005	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/7	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	TỐT	4.6	6.4	4.6	TRUNG BÌNH
313	A6D08C	ĐOÀN NGUYỄN NAM PHƯƠNG	04	04	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	7.3	8.7	6.9	GIỎI
314	A6D0AE	LÊ MINH QUÂN	06	02	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.3	7.3	5.6	KHÁ
315	A6D07E	NGUYỄN ĐỖ MINH QUÝ	11	12	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/7	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	KHÁ	TỐT	6.7	7.8	6.5	KHÁ
316	A6D0AG	VÕ THỂ TÀI	19	08	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.2	8.8	8.8	GIỎI
317	A6D0AH	TRẦN HOÀNG TÂM	03	04	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.2	6.2	5.3	KHÁ
318	A6D08G	LÊ NHẬT TÂN	22	08	2006	Bình Dương	Kinh	NAM	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	KHÁ	5.4	6.1	4.9	TRUNG BÌNH
319	A6D08H	ĐÀO VIỆT THÁI	23	01	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Hoa	NAM	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	8.1	7.8	7.5	KHÁ
320	A6D0BG	CHUNG QUỐC THẮNG	18	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	6	7.2	5	KHÁ
321	A6D0BH	TRẦN YẾN THI	10	02	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.9	7.5	7.2	KHÁ
322	A6D02D	LÊ PHÚC THỊNH	12	07	2006	Thừa Thiên Huế	Kinh	NAM	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7	8	6.6	KHÁ
323	A6D0AM	NGUYỄN HOÀNG NHƯ TUYỀN	11	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	KHÁ	3.6	5.6	3.6	TRUNG BÌNH
324	A6D0BO	BÙI NGỌC PHƯƠNG UYÊN	10	04	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	7.6	8.7	7.3	GIỎI
325	A6D08O	TRẦN NGỌC TUỜNG VÂN	21	08	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.4	8.5	7.1	GIỎI
326	A6D10S	TRẦN ANH VŨ	25	05	2005	Ninh Bình	Kinh	NAM	9/7	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	KHÁ	5.1	5.1	4.9	TRUNG BÌNH
327	A6D0AO	NGUYỄN HOÀNG TƯỜNG VY	16	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.3	7.9	5.9	KHÁ
328	A6D09T	NGUYỄN NGỌC THẢO VY	27	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/7	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	TỐT	5.8	6.1	4	TRUNG BÌNH
329	A6D08R	LÊ TRẦN NHƯ Ý	24	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.6	7.8	5.8	KHÁ
330	A6D0BS	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	12	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/7	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	7.4	8.4	7.4	GIỎI
331	A6D01E	LÊ PHƯƠNG THÚY AN	02	04	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/8	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9	8.4	7.9	GIỎI
332	A6D01H	DƯƠNG TUẤN ANH	13	12	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/8	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	6.6	7.4	6.1	KHÁ
333	A6D08Y	NGUYỄN NGỌC ANH BẰNG	07	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/8	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	KHÁ	7.1	6	6	KHÁ
334	A6D06Q	NGUYỄN THANH BÌNH	12	06	2006	Đồng Nai	Kinh	NAM	9/8	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	KHÁ	TỐT	7.8	7.6	7.2	KHÁ
335	A6D01O	ĐẶNG BẢO CHÂU	26	08	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/8	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8	8.2	6.6	GIỎI
336	A6D06T	LÊ THÀNH DUY	14	01	2006	Hà Nội	Kinh	NAM	9/8	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	GIỎI	TỐT	8.8	8.3	8.1	GIỎI
337	A6D07W	VÕ KIM DUYÊN	11	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/8	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	7	8.1	6.9	GIỎI
338	A6D01T	CAO NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	15	04	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/8	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.7	7.4	7.1	GIỎI
339	A6D01V	LÊ GIA ĐẠT	19	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/8	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	KHÁ	7.8	7.1	6.8	KHÁ
340	A6D06U	NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	16	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/8	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	TỐT	5	6.2	4.4	TRUNG BÌNH
341	A6D0A0	TRẦN HOÀNG HẢI	31	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/8	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	KHÁ	6.2	5	5	TRUNG BÌNH
342	A6D06X	NGUYỄN TRUNG HIẾU	06	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/8	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.3	8	7.4	GIỎI
343	A6D0A2	HUỲNH BẢO KHANG	23	12	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/8	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	KHÁ	6.8	5.3	5.3	KHÁ
344	A6D0H4	LÊ MINH KHANG	09	02	2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/8	1-Trung học cơ sở	4-Người tàn tật, khuyết tật,kém phát triển,bị nhiễm chất độc hóa học, mồ côi,điện hộ đói nghèo	KHÁ	TỐT	5.8	6	5.8	KHÁ

Stt	Mã định danh	Họ Tên	Ngày Sinh			Nơi Sinh	Dân Tộc	Phái	Lớp	Loại	UTKK	XL HL	XL HK	Toán	Văn	Điểm nhỏ nhất	Xếp Loại TN
			Ng	Th	Năm												
345	A6D0A3	ĐINH NHO ĐĂNG KHÔI	28	02	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/8	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.7	8.9	7.9	GIỎI
346	A6D0AX	HOÀNG ANH KHÔI	16	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/8	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.3	8.6	7.9	GIỎI
347	A6D11G	NGUYỄN NGỌC MAI KHÔI	03	12	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/8	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	8.3	6.9	5.5	KHÁ
348	A6D085	BÙI TRẦN THỰC LINH	04	09	2006	Đồng Tháp	Kinh	NỮ	9/8	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9	8.8	7.7	GIỎI
349	A6D099	LÊ NGỌC TÚ LINH	16	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/8	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	KHÁ	5.3	5.9	4.2	TRUNG BÌNH
350	A6D074	HUỖNH THẾ LUÂN	25	09	2005	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/8	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	6.1	6.3	6.1	KHÁ
351	A6D10W	LÝ THỊ THU NA	19	07	2005	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/8	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	KHÁ	5.2	4	4	TRUNG BÌNH
352	A6D0A7	ĐỖ TUỜNG TRUNG NAM	22	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/8	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	KHÁ	8.3	7	6.9	KHÁ
353	A6D09B	LÊ BẢO NAM	24	06	2006	Ninh Thuận	Kinh	NAM	9/8	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	7.4	7.9	7.1	GIỎI
354	A6D076	LÝ NGỌC KIM NGÂN	24	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/8	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	KHÁ	TỐT	6.8	5.8	5.1	KHÁ
355	A6D09C	TRẦN THỊ THANH NGÂN	31	08	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/8	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	TỐT	5.5	6.5	4.7	TRUNG BÌNH
356	A6D02A	LÊ DƯƠNG HỮU NGUYỄN	23	09	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/8	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8	8.1	7.4	GIỎI
357	A6D09E	TỔNG THẢO NGUYỄN	01	01	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/8	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7	7.9	6.5	KHÁ
358	A6D02B	TỪ VÕ THANH NHÃ	06	08	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/8	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	7.3	7.8	7.2	GIỎI
359	A6D0AC	MAI MINH PHONG	04	01	2005	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/8	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	TỐT	4.5	5.9	4.5	TRUNG BÌNH
360	A6D0AD	DƯƠNG CAO THIÊN PHÚC	05	09	2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/8	1-Trung học cơ sở	4-Người tàn tật, khuyết tật,kém phát triển,bị nhiễm chất độc hóa học, mồ côi,diện hộ đói nghèo	KHÁ	TỐT	6.9	6.2	5.4	KHÁ
361	A6D08D	PHẠM TRỌNG QUYỀN	03	02	2006	Nam Định	Kinh	NAM	9/8	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7.4	7.4	5.1	KHÁ
362	A6D0BD	NGUYỄN ĐỨC THÁI SƠN	24	01	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/8	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	GIỎI	TỐT	7.9	7.4	7.4	GIỎI
363	A6D08E	VŨ NGUYỄN NGỌC SƯƠNG	09	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/8	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	KHÁ	TỐT	6.1	6.6	5.7	KHÁ
364	A6D0AI	LƯƠNG QUỐC THẮNG	20	01	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/8	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.4	8.4	6.5	GIỎI
365	A6D0BI	ĐỖ MINH THU	15	12	2006	Vĩnh Long	Kinh	NỮ	9/8	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	KHÁ	6	6.4	5	TRUNG BÌNH
366	C6D0E0	NGUYỄN PHƯƠNG HOÀI THƯƠNG	11	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/8	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	GIỎI	TỐT	8.4	8.7	8.2	GIỎI
367	A6D07I	LÊ THỦY TIỀN	08	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/8	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.6	8.1	6.5	GIỎI
368	A6D0AL	NGUYỄN BẢO TRÂN	06	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/8	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	TRUNG BÌNH	KHÁ	5.8	5.9	4	TRUNG BÌNH
369	A6D07K	TRẦN HỮU TRÍ	18	01	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/8	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	TRUNG BÌNH	TỐT	5.9	7.1	4.5	TRUNG BÌNH
370	A6D09Q	PHẠM HUỖNH TRIỆU	29	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/8	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	8.8	6.7	6.7	KHÁ
371	A6D0BM	NGUYỄN NGỌC TÚ TRINH	18	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/8	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	7.7	8.7	7.4	GIỎI
372	A6D02H	ĐẶNG THỦY THẢO VY	06	07	2006	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh	NỮ	9/8	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.7	8.4	8	GIỎI
373	A6D0BR	NGUYỄN THỊ THẢO VY	25	12	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/8	1-Trung học cơ sở	0-Bình thường	KHÁ	TỐT	6.6	7.1	5.3	KHÁ
374	A6D07N	TRẦN HẠNH VÂN Y	02	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/8	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.2	8.7	7.3	GIỎI
375	A6D01F	TIỀN TUẤN AN	31	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.7	7.9	7.9	GIỎI
376	A6D01G	TRẦN THU AN	12	05	2006	Quảng Ngãi	Kinh	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.3	9.1	9.1	GIỎI
377	A6D07P	ĐÀO THANH THẢO ANH	24	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.4	9.1	9.1	GIỎI
378	A6D02K	NGUYỄN NGỌC QUỲNH ANH	15	06	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.3	8.3	7.9	GIỎI

Stt	Mã định danh	Họ Tên	Ngày Sinh			Nơi Sinh	Dân Tộc	Phái	Lớp	Loại	UTKK	XL HL	XL HK	Toán	Văn	Điểm nhỏ nhất	Xếp Loại TN
			Ng	Th	Năm												
379	A6D07Q	NGUYỄN TRÂM ANH	16	02	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.5	8.8	8.7	GIỎI
380	A6D06O	TRẦN NGỌC PHƯƠNG ANH	23	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.4	8.8	8.8	GIỎI
381	A6D01K	RUIZZO HO ANNA	01	01	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.3	8.7	8.7	GIỎI
382	A6D06P	ĐẶNG HỒNG THIÊN ÂN	19	04	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.4	8.5	8.5	GIỎI
383	A6D01M	NGUYỄN NGỌC GIA BẢO	31	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.9	7.9	7.9	GIỎI
384	A6D09Y	LƯƠNG BẢO CHÂU	03	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	4-Người tàn tật, khuyết tật,kém phát triển,bị nhiễm chất độc hóa học, mồ côi,điện hộ đói nghèo	KHÁ	TỐT	6.7	6.8	6.3	KHÁ
385	A6D01Q	NGUYỄN THÁI DŨNG	14	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9	8.9	8.9	GIỎI
386	A6D01W	NGUYỄN HỮU ĐẠT	06	08	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.2	7.9	7.9	GIỎI
387	A6D090	LÊ HUỠNH ĐỨC	07	02	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	7	6.7	6.7	KHÁ
388	A6D01Y	VÕ HỒNG ĐỨC	08	08	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.4	8.5	8.5	GIỎI
389	A6D07Z	HUỠNH GIA HÂN	09	04	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.2	9	7.9	GIỎI
390	A6D092	LÊ HOÀNG GIA HÂN	30	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.1	8.9	8.5	GIỎI
391	A6D01Z	CHÂU HOÀNG TRUNG HIẾU	25	09	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9	8.7	8.7	GIỎI
392	A6D0AU	HOÀNG MINH HUY	19	09	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.7	8.7	8.7	GIỎI
393	A6D021	VĂN NHẬT HUY	08	02	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.4	7.2	7.2	GIỎI
394	A6D081	NGUYỄN TRẦN BẢO KHANG	15	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	7.4	7.5	7	GIỎI
395	A6D082	PHẠM HUY KHOA	27	01	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.6	8.5	8.3	GIỎI
396	A6D095	TRẦN ANH KHOA	15	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.1	8.7	8.7	GIỎI
397	A6D022	PHAN MINH KHÔI	24	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.5	8.6	8.6	GIỎI
398	A6D0AY	NGUYỄN DIỆU KHUÊ	31	10	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.4	9.2	9.1	GIỎI
399	A6D070	NGUYỄN NGỌC THIÊN KIM	13	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.4	9.2	9.2	GIỎI
400	A6D0AZ	NGUYỄN HUỠNH THÁI KỶ	01	07	2006	Bình Định	Kinh	NAM	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.3	7.9	7	GIỎI
401	A6D086	PHẠM THỊ THÀNH LỘC	29	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	7.6	8.6	7	GIỎI
402	A6D087	NGUYỄN HỒ QUANG MINH	31	08	2006	Hà Nội	Kinh	NAM	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.3	8.3	8.3	GIỎI
403	A6D08T	TRẦN THUÝ NGÂN	25	04	2006	Quảng Ngãi	Kinh	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.4	8.8	8.8	GIỎI
404	A6D077	ĐOÀN NHƯ NGỌC	14	02	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.5	9.4	9.4	GIỎI
405	A6D028	PHẠM NGUYỄN THANH NGỌC	07	01	2006	Thừa Thiên Huế	Kinh	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.1	9.2	9.1	GIỎI
406	A6D02C	TRẦN HÀ UYÊN NHI	03	08	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.5	8.3	8.3	GIỎI
407	A6D11E	DƯƠNG VŨ QUỲNH NHƯ	12	09	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.4	9.3	9.3	GIỎI
408	A6D0B8	LÊ QUỲNH KHÁNH NHƯ	20	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.3	8.8	8.8	GIỎI
409	A6D0B9	NGUYỄN ĐẶNG PHÁT	25	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.5	8.5	8.4	GIỎI
410	A6D0AF	LÝ HIẾU SAN	01	12	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9	8.7	8.5	GIỎI
411	A6D0BE	ĐẶNG ĐỖ THANH THANH	28	08	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.4	8.4	8.4	GIỎI
412	A6D0BF	NGUYỄN NGỌC DIỆP THANH	11	09	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.3	8.7	8.7	GIỎI
413	A6D07H	BÙI ĐOÀN ANH THƯ	25	04	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.2	9.2	9.2	GIỎI
414	A6D09M	NGUYỄN PHÚC ANH THƯ	08	11	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	8.4	7.5	7.5	GIỎI
415	A6D0AK	HUỠNH THY THY	23	09	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.5	9.4	9.4	GIỎI
416	A6D08J	NGUYỄN VƯƠNG HOÀNG TỊNH	13	12	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NAM	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	KHÁ	TỐT	8.5	8.3	6	KHÁ
417	A6D07J	BÙI PHẠM BẢO TRÂN	17	03	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.3	8.4	8.4	GIỎI

Stt	Mã định danh	Họ Tên	Ngày Sinh			Nơi Sinh	Dân Tộc	Phái	Lớp	Loại	UTKK	XL HL	XL HK	Toán	Văn	Điểm nhỏ nhất	Xếp Loại TN
			Ng	Th	Năm												
418	A6D02E	NGUYỄN NAM TRÂN	02	07	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.3	8.5	8.5	GIỎI
419	A6D0AN	NGÔ VŨ PHƯƠNG UYÊN	15	04	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.2	8.8	8.8	GIỎI
420	A6D11D	PHẠM NGỌC THẢO VÂN	02	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.2	8.9	8.9	GIỎI
421	A6D08P	PHAN ĐÌNH CAO VÂN	01	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.2	8.8	8.8	GIỎI
422	A6D02I	LƯU TRIỆU VY	11	04	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Hoa	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.3	8.9	8.8	GIỎI
423	A6D02J	NGUYỄN LÊ NHƯ Ý	15	05	2006	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	NỮ	9/9	1-Trung học cơ sở	6-HS có chứng chỉ nghề Phổ thông	GIỎI	TỐT	9.4	8.6	8.3	GIỎI

Tổng cộng danh sách này có:
423 Học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS, trong đó:

423 học sinh xét công nhận lần đầu
0 học sinh chưa được công nhận trong những lần trước

NGƯỜI LẬP BẢNG

Phạm Thị Thu Thảo

Ngày.... Tháng.... Năm....
Trưởng Phòng giáo dục và Đào tạo☐

Ngày 11 Tháng 5 Năm 2021
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Nguyễn Thị Ngọc Ánh